

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

Số: 4544/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gò Vấp, ngày 28 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về giao dự toán chi ngân sách năm 2023;
giao số thu phí, lệ phí, thu khác năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính-ngân sách nhà nước 03 năm 2023 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 4312/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận về phân giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023; giao số thu phí, lệ phí, thu khác năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 4489/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận về chủ trương mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quận năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 1243/TTr-TCKH ngày 26 tháng 12 năm 2022 về phân giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023; giao số thu phí, lệ phí, thu khác năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán chi năm 2023; giao số thu phí, lệ phí, thu khác năm 2023 cho 66 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận như sau:

1. Tổng thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp khác: 82.415.300.000 đồng (số thu được để lại chi và dành nguồn cải cách tiền lương theo quy định hiện hành);

2. Tổng chi: 967.197.697.000 đồng, trong đó:

2.1. Sử dụng nguồn cải cách tiền lương năm 2022 còn thừa chuyển sang: 114.147.597.000 đồng;

2.2. Tổng chi ngân sách: 853.050.100.000 đồng, trong đó:

- Nguồn cải cách tiền lương (nguồn 14, tiết kiệm 10% chi thường xuyên trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương): 6.514.600.000 đồng,

- Kinh phí ngân sách cấp thực hiện Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND, tỉnh giản biên chế (nguồn 14): 253.234.014.000 đồng,

- Kinh phí không tự chủ (nguồn 12): 593.301.486.000 đồng,

(Phụ lục chi tiết đính kèm)

Điều 2. Người đứng đầu cơ quan đơn vị nêu tại Điều 1 có trách nhiệm:

1. Lập phương án phân bổ dự toán chi tiết ngân sách năm 2023 theo đúng quy định hiện hành;

2. Việc phân bổ chi tiết ngân sách phải khớp đúng dự toán được Ủy ban nhân dân quận giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; đăng ký với cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước Gò Vấp và thực hiện công khai ngân sách theo quy định hiện hành;

3. Việc chấp hành, kế toán, quyết toán phải đảm bảo tuân thủ các quy định và dự toán chi tiết phân bổ nêu tại điểm 2.2 khoản 2 điều 1;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tài chính-Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Gò Vấp, Thủ trưởng đơn vị nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *T. Kim*

Nơi nhận:

- Như điều 4; “để thực hiện”
- Sở Tài chính;
- Ban Thường vụ Quận ủy;
- UBND quận: CT; các PCT;
- UBMTTQVN quận; “để giám sát”
- Trưởng các phòng ban chuyên môn;
- Văn phòng UBND quận;
- Phòng Tài chính-Kế hoạch;
- Trang thông tin điện tử quận; (để công khai)
- Lưu: VT. (10b)



CHỦ TỊCH

Nguyễn Trí Dũng



PHỤ LỤC DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CÓ THU
(Ban hành kèm Quyết định số 4544/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

Đơn vị: đồng

TỔNG DỰ TOÁN CHI NĂM 2023												
S Mã số đơn T vị sử dụng T ngân sách	C-L-K	Đơn vị	Dự toán thu năm 2023	Dự toán chi từ nguồn thu được để lại và trích lập nguồn CCTL theo quy định năm 2023	TỔNG CHI NĂM 2023	Tổng sử dụng nguồn CCTL, đơn vị chi NO 03, tính gần bên chế...	DỰ TOÁN CHI SÁCH CẤP 2023					Chi không thường xuyên NGUỒN 12
							TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP 2023	Tổng NGUỒN 14	10% tiết kiệm chi thường xuyên trích lập nguồn CCTL chi NO03, tính gần bên chế	7	8	
		A	1	2	3=4+5	4	5=6+9	6=7+8	7	8	9	
1		Chi lĩnh vực giáo dục	63.676.200.000	63.676.200.000	889.336.770.000	110.158.199.000	779.178.571.000	239.298.146.000	6.359.808.000	232.938.338.000	539.880.425.000	
1	1127053	TT. GDNN-GD TX	1.213.200.000	1.213.200.000	10.480.551.000	1.974.915.000	8.505.636.000	2.348.490.000	62.965.000	2.285.525.000	6.157.146.000	
2	1038561	Trường Mầm non Hòa Quỳnh	607.800.000	607.800.000	7.179.366.000	670.681.000	6.508.685.000	1.887.702.000	42.912.000	1.844.790.000	4.620.983.000	
3	1038559	Trường Mầm non Hòa Lan	919.000.000	919.000.000	9.596.543.000	923.743.000	8.672.800.000	2.516.161.000	64.800.000	2.451.361.000	6.156.639.000	
4	1038329	Trường Mầm non Hòa Mỹ	891.200.000	891.200.000	9.787.640.000	801.387.000	8.986.252.000	2.067.237.000	63.504.000	2.003.733.000	6.361.975.000	
5	1037238	Trường Mầm non Sơn Ca	770.000.000	770.000.000	9.510.766.000	676.397.000	8.833.973.000	2.495.609.000	50.832.000	2.445.142.000	6.217.625.000	
6	1037892	Trường Mầm non Thủy Tiên	714.200.000	714.200.000	9.110.370.000	676.397.000	8.433.973.000	2.546.509.000	50.832.000	2.495.677.000	5.994.344.000	
7	1043454	Trường Mầm non Hương Dương	986.000.000	986.000.000	9.246.183.000	1.124.684.000	8.121.499.000	2.127.155.000	70.560.000	2.056.595.000	5.994.344.000	
8	1043126	Trường Mầm non Sơn Hồng	589.800.000	589.800.000	8.389.666.000	628.433.000	7.761.533.000	2.359.799.000	41.904.000	2.317.895.000	5.301.734.000	
9	1043450	Trường Mầm non Hòa Sơn	703.600.000	703.600.000	6.107.033.000	721.760.000	5.385.273.000	1.281.082.000	50.112.000	1.230.970.000	4.104.191.000	
10	1043447	Trường Mầm non Hoàng Yên	902.000.000	902.000.000	9.923.806.000	1.436.624.000	8.487.182.000	1.820.294.000	64.080.000	1.756.214.000	6.666.888.000	
11	1043044	Trường Mầm non Ngọc Lan	697.400.000	697.400.000	7.924.559.000	730.691.000	7.192.868.000	1.852.457.000	49.248.000	1.803.209.000	4.771.411.000	
12	1043448	Trường Mầm non Quỳnh Hương	644.400.000	644.400.000	6.978.418.000	733.996.000	6.244.422.000	1.660.758.000	45.792.000	1.614.966.000	4.583.664.000	
13	1080674	Trường Mầm non Nhật Quỳnh	1.040.800.000	1.040.800.000	9.103.872.000	1.178.297.000	7.925.575.000	1.995.322.000	74.016.000	1.921.307.000	5.930.252.000	
14	1069692	Trường Mầm non Anh Đào	1.590.600.000	1.590.600.000	15.554.941.000	1.809.951.000	13.544.990.000	3.653.534.000	112.320.000	3.541.214.000	6.153.156.000	
15	1043125	Trường Mầm non Hòa Hồng	976.400.000	976.400.000	9.554.361.000	609.546.000	8.944.815.000	2.791.659.000	69.264.000	2.722.395.000	8.951.432.000	
16	1071100	Trường Mầm non Hoàng Nhung	1.257.000.000	1.257.000.000	14.042.590.000	1.504.271.000	12.538.319.000	3.586.887.000	88.560.000	3.498.327.000	8.951.432.000	
17	1072734	Trường Mầm non Vàng Anh	1.132.200.000	1.132.200.000	7.933.766.000	740.878.000	7.192.888.000	2.072.003.000	55.872.000	2.016.131.000	7.555.838.000	
18	1080928	Trường Mầm non Hưng Sơn	785.200.000	785.200.000	11.106.980.000	1.235.542.000	9.871.438.000	2.494.584.000	92.160.000	2.402.424.000	7.376.854.000	
19	1118061	Trường Mầm non Hạnh Thông Tây	1.299.000.000	1.299.000.000	6.455.609.000	867.738.000	5.587.871.000	1.325.859.000	43.920.000	1.281.939.000	4.262.012.000	
20	1120226	Trường Mầm non Hòa Phước	620.000.000	620.000.000	9.343.423.000	1.083.813.000	8.257.610.000	2.200.495.000	54.000.000	2.146.495.000	6.057.115.000	
21	1120463	Trường Mầm non Hòa Phước Đô	765.400.000	765.400.000	4.634.074.000	301.950.000	4.332.124.000	1.238.376.000	29.952.000	1.208.424.000	3.093.748.000	
22	1122312	Trường Mầm non Tường Vi	426.800.000	426.800.000	10.935.108.000	803.385.000	10.131.723.000	2.847.568.000	91.584.000	2.755.984.000	7.284.155.000	
23	1124079	Trường Mầm non Sóc Nâu	1.285.200.000	1.285.200.000	4.455.168.000	195.080.000	4.260.781.000	1.295.361.000	22.320.000	1.273.041.000	2.965.420.000	
24	1131667	Trường Tiểu học Mai Vàng	319.000.000	319.000.000	24.144.901.000	1.332.062.000	22.812.839.000	9.520.383.000	172.640.000	9.347.785.000	13.292.427.000	
25	1069763	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	0	0	13.876.378.000	915.655.000	12.960.722.000	5.213.465.000	106.080.000	5.107.385.000	7.747.257.000	
26	1067994	Trường Tiểu học Trần Văn Ch	0	0	11.812.517.000	736.629.000	11.075.888.000	4.431.800.000	84.880.000	4.346.920.000	6.644.088.000	
27	1067996	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão	0	0	15.956.586.000	971.057.000	14.985.529.000	5.965.338.000	134.960.000	5.850.690.000	9.507.000.000	
28	1069270	Trường Tiểu học Hạnh Thông	0	0	16.908.033.000	310.779.000	16.597.254.000	7.090.254.000	154.320.000	6.935.934.000	9.507.000.000	
29	1038960	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ Xuân	0	0	12.603.706.000	791.362.000	11.812.344.000	4.722.550.000	104.000.000	4.623.550.000	7.084.794.000	
30	1038317	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	0	0	19.836.213.000	1.490.056.000	18.346.157.000	6.944.083.000	197.760.000	6.746.322.000	11.402.074.000	
31	1038325	Trường Tiểu học Kim Đồng	0	0	13.662.738.000	822.033.000	12.840.435.000	5.129.806.000	111.360.000	5.018.446.000	7.710.629.000	
32	1043444	Trường Tiểu học Chí L	0	0	14.832.423.000	1.003.615.000	13.828.808.000	5.481.783.000	132.320.000	5.349.463.000	8.367.025.000	
33	1043446	Trường Tiểu học Minh Khai	0	0	21.013.548.000	1.297.446.000	19.716.102.000	7.593.753.000	187.840.000	7.805.913.000	11.722.349.000	
34	1043449	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	0	0	29.115.871.000	1.932.450.000	27.183.421.000	10.842.731.000	274.640.000	10.568.091.000	16.340.690.000	
35	1038322	Trường Tiểu học Lê Hữu	0	0	16.038.146.000	1.058.264.000	14.979.882.000	6.033.802.000	140.000.000	5.893.802.000	8.946.080.000	
36	1038319	Trường Tiểu học Lam Sơn	0	0	11.849.179.000	564.075.000	11.285.104.000	4.556.721.000	117.680.000	4.439.041.000	13.359.604.000	
37	1069269	Trường Tiểu học Lê Hoàn	0	0	24.028.278.000	1.108.445.000	22.919.833.000	9.560.229.000	203.600.000	9.356.629.000	16.141.301.000	
38	1067990	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	0	0	12.485.974.000	531.016.000	11.954.958.000	4.496.792.000	105.520.000	4.857.792.000	6.992.166.000	
39	1043443	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	0	0	13.583.523.000	798.921.000	12.784.602.000	5.089.785.000	126.720.000	4.963.065.000	7.694.817.000	
40	1069268	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	0	0	13.741.209.000	753.500.000	12.987.709.000	5.251.391.000	165.200.000	5.086.191.000	7.736.318.000	
41	1038958	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
42	1120707	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	